

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao đất, cho Công ty TNHH đầu tư địa ốc An Thịnh Phát thuê đất (đợt 1) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Bắc Nghi Kim và Khu nhà ở Trung tâm Nghi Kim tại phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 quy định chi tiết về đất trồng lúa; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 7755/TTr-SNNMT.QLDD ngày 10 tháng 9 năm 2025 về việc giao đất, cho Công ty TNHH đầu tư địa ốc An Thịnh Phát thuê đất (đợt 1) theo tiến độ bồi thường giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Bắc Nghi Kim và Khu nhà ở Trung tâm Nghi Kim, thành phố Vinh (nay là phường Vinh Hưng), tỉnh Nghệ An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao 161.718,5 m² đất (đợt 1) tại phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An cho Công ty TNHH đầu tư địa ốc An Thịnh Phát để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Bắc Nghi Kim và Khu nhà ở Trung tâm Nghi Kim theo quy hoạch và pháp luật. Cụ thể như sau:

1. Đối với 73.939,3 m² đất ở tại đô thị để xây dựng khu nhà ở thấp tầng.

- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm kể từ ngày UBND tỉnh ban hành quyết định giao đất. Người nhận chuyển quyền sử dụng đất ở được sử dụng đất ổn định lâu dài.

2. Đối với 21.230,9 m² đất ở tại đô thị để xây dựng nhà ở xã hội.

- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Nhà đầu tư được miễn tiền sử dụng đất, không phải thực hiện thủ tục xác định giá đất, tính tiền sử dụng đất, không phải thực hiện thủ tục đề nghị miễn tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 157 Luật Đất đai, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ và khoản 2 Điều 85 Luật Nhà ở.

- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm kể từ ngày UBND tỉnh ban hành quyết định giao đất. Người nhận chuyển quyền sử dụng đất ở được sử dụng đất ổn định lâu dài.

3. Đối với 66.548,3 m² đất để sử dụng vào mục đích xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội không kinh doanh thuộc dự án (*đất giao thông, đất cây xanh, đất xử lý nước thải, đất xây dựng nhà văn hóa, đất công cộng khác*).

- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

- Sau khi xây dựng xong theo quy hoạch, yêu cầu Công ty TNHH đầu tư địa ốc An Thịnh Phát bàn giao lại cho UBND phường Vinh Hưng để quản lý, sử dụng theo quy định.

- Phương thức giao đất: Nhà nước giao đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

- Vị trí, ranh giới khu đất xác định theo các Bản đồ địa chính đo đạc bổ sung: số 635/2025/ĐDBS/VPĐK và số 636/2025/ĐDBS/VPĐK do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An lập được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt ngày 21/8/2025.

(Chi tiết các thửa đất có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Cho Công ty TNHH đầu tư địa ốc An Thịnh Phát thuê 5.235,3 m² đất tại phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Bắc Nghi Kim và Khu nhà ở Trung tâm Nghi Kim theo quy hoạch và pháp luật. Cụ thể như sau:

1. Đối với 2.915,5 m² đất cơ sở giáo dục và đào tạo (trường mầm non).

- Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Nhà đầu tư được miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê, không phải thực hiện thủ tục xác định giá đất, tính tiền thuê đất, không phải thực hiện thủ tục đề nghị miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 157 Luật Đất đai; khoản 15 Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Nghệ An.

- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất.

- Phương thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

- Vị trí, ranh giới khu đất xác định theo Bản đồ địa chính đo đạc bổ sung số 635/2025/ĐĐBS/VPĐK do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An lập được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt ngày 21/8/2025.

2. Đối với 2.319,8 m² đất thương mại dịch vụ

- Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất.
- Giá đất tính tiền thuê đất: Mức giá bình quân 3.231.556 đồng/m².
- Phương thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

- Vị trí, ranh giới khu đất xác định theo Bản đồ địa chính đo đạc bổ sung số 635/2025/ĐĐBS/VPĐK do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An lập được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt ngày 21/8/2025.

(Chi tiết các thửa đất có phụ lục kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Xác định giá đất cụ thể trình UBND tỉnh phê duyệt; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xác định mốc giới và bàn giao đất trên thực địa cho Công ty TNHH đầu tư địa ốc An Thịnh Phát theo quy định.

- Theo dõi, thống kê, tổng hợp việc miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của Chủ đầu tư theo quy định. Trường hợp trong quá trình sử dụng đất, Chủ đầu tư không đáp ứng điều kiện để được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định thì báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh thu hồi việc miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và chuyển thông tin cho cơ quan Thuế để phối hợp tính, thu, nộp số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và khoản tiền tương ứng với tiền chậm nộp phải nộp theo quy định.

- Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An: Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính theo quy định của pháp luật.

2. Thuế tỉnh Nghệ An:

- Xác định, thông báo cho Công ty TNHH đầu tư địa ốc An Thịnh Phát nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định.

- Xác định và thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của Công ty TNHH đầu tư địa ốc An Thịnh Phát theo đúng quy định pháp luật. Có văn bản xác nhận hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và gửi thông báo kết quả cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Quá trình thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, nếu phát hiện người sử dụng đất không đáp ứng các điều kiện miễn tiền thuê đất, miễn tiền sử dụng đất theo quy định thì phải kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Các Sở: Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý dự án đầu tư đối với dự án và các nội dung khác có liên quan theo quy định.

4. UBND phường Vinh Hưng:

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với việc sử dụng đất, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy của Công ty TNHH đầu tư địa ốc An Thịnh Phát theo quy định của pháp luật. Khẩn trương hoàn thành thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phần diện tích còn lại. Giám sát việc thực hiện bóc tách, sử dụng tầng đất mặt đối với đất chuyên trồng lúa nước theo phương án của Chủ đầu tư. Thu tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa theo quy định.

- Kiểm tra, giám sát việc bóc tách, sử dụng tầng đất mặt theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ.

5. Yêu cầu Công ty TNHH đầu tư địa ốc An Thịnh Phát: Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3 Quyết định này; nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, các khoản phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật; sử dụng đất đúng mục đích, đúng diện tích, mốc giới khu đất; chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Công Thương, Giáo dục và Đào tạo; Trưởng Thuế tỉnh Nghệ An; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Vinh Hưng và Giám đốc Công ty TNHH đầu tư địa ốc An Thịnh Phát chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên cổng thông tin điện tử của tỉnh. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh (Phùng Thành Vinh);
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NN (TP, B. Thắng).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phùng Thành Vinh

BIỂU TỔNG HỢP THỪA ĐẤT GIAO, THUÊ ĐẤT (ĐỢT 1)
DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ BẮC NGHI KIM VÀ KHU NHÀ Ở TRUNG TÂM NGHI KIM, THÀNH PHỐ
VINH (NAY LÀ PHƯỜNG VINH HƯNG), TỈNH NGHỆ AN
(Kèm theo Quyết định số 246 /QĐ-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh)

Số TT	Số tờ	Số thửa	Địa chỉ thửa đất	Loại đất	Diện tích (m2)	Ghi chú
A	Khu nhà ở trung tâm Nghi Kim				52.252,0	
I	Nhà ở thấp tầng				24.225,7	
1	19	697	Phường Vinh Hưng	ODT	160,5	
2	19	698	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
3	19	699	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
4	19	700	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
5	19	701	Phường Vinh Hưng	ODT	153,0	
6	19	702	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
7	19	703	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
8	19	704	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
9	19	708	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
10	19	709	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
11	19	710	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
12	19	711	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
13	19	712	Phường Vinh Hưng	ODT	157,8	
14	19	713	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
15	19	714	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
16	19	715	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
17	19	716	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
18	19	717	Phường Vinh Hưng	ODT	165,5	
19	19	718	Phường Vinh Hưng	ODT	209,4	
20	19	719	Phường Vinh Hưng	ODT	154,8	
21	19	720	Phường Vinh Hưng	ODT	154,8	
22	19	721	Phường Vinh Hưng	ODT	154,8	
23	19	722	Phường Vinh Hưng	ODT	212,9	
24	19	723	Phường Vinh Hưng	ODT	137,4	
25	19	724	Phường Vinh Hưng	ODT	138,1	
26	19	725	Phường Vinh Hưng	ODT	138,8	
27	19	726	Phường Vinh Hưng	ODT	139,6	
28	19	727	Phường Vinh Hưng	ODT	146,3	
29	19	728	Phường Vinh Hưng	ODT	146,3	
30	19	729	Phường Vinh Hưng	ODT	146,3	
31	19	730	Phường Vinh Hưng	ODT	146,3	
32	19	732	Phường Vinh Hưng	ODT	207,0	
33	19	733	Phường Vinh Hưng	ODT	154,8	
34	19	734	Phường Vinh Hưng	ODT	154,8	
35	19	735	Phường Vinh Hưng	ODT	154,8	
36	19	736	Phường Vinh Hưng	ODT	207,0	
37	19	737	Phường Vinh Hưng	ODT	139,8	
38	19	738	Phường Vinh Hưng	ODT	139,8	
39	19	739	Phường Vinh Hưng	ODT	139,8	
40	19	740	Phường Vinh Hưng	ODT	139,8	
41	19	741	Phường Vinh Hưng	ODT	139,8	

42	19	742	Phường Vinh Hưng	ODT	139,8	
43	19	743	Phường Vinh Hưng	ODT	139,8	
44	19	744	Phường Vinh Hưng	ODT	139,8	
45	19	746	Phường Vinh Hưng	ODT	161,3	
46	19	747	Phường Vinh Hưng	ODT	161,3	
47	19	748	Phường Vinh Hưng	ODT	161,3	
48	19	749	Phường Vinh Hưng	ODT	161,3	
49	19	750	Phường Vinh Hưng	ODT	187,3	
50	19	751	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
51	19	752	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
52	19	753	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
53	19	754	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
54	19	755	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
55	19	756	Phường Vinh Hưng	ODT	196,4	
56	19	757	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
57	19	758	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
58	19	759	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
59	19	760	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
60	19	761	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
61	19	763	Phường Vinh Hưng	ODT	140,7	
62	19	764	Phường Vinh Hưng	ODT	141,5	
63	19	765	Phường Vinh Hưng	ODT	142,2	
64	19	766	Phường Vinh Hưng	ODT	142,9	
65	19	767	Phường Vinh Hưng	ODT	143,7	
66	19	768	Phường Vinh Hưng	ODT	144,4	
67	19	769	Phường Vinh Hưng	ODT	145,1	
68	19	770	Phường Vinh Hưng	ODT	146,3	
69	19	771	Phường Vinh Hưng	ODT	146,3	
70	19	772	Phường Vinh Hưng	ODT	146,3	
71	19	773	Phường Vinh Hưng	ODT	146,3	
72	19	774	Phường Vinh Hưng	ODT	146,3	
73	19	775	Phường Vinh Hưng	ODT	146,3	
74	19	776	Phường Vinh Hưng	ODT	146,3	
75	19	777	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
76	19	778	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
77	19	779	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
78	19	780	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
79	19	781	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
80	19	782	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
81	19	783	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
82	19	784	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
83	19	785	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
84	19	786	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
85	19	787	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
86	19	788	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
87	19	789	Phường Vinh Hưng	ODT	146,3	
88	19	790	Phường Vinh Hưng	ODT	147,0	
89	19	791	Phường Vinh Hưng	ODT	147,7	
90	19	792	Phường Vinh Hưng	ODT	146,3	
91	19	793	Phường Vinh Hưng	ODT	146,3	
92	19	794	Phường Vinh Hưng	ODT	146,3	
93	19	796	Phường Vinh Hưng	ODT	146,5	
94	19	797	Phường Vinh Hưng	ODT	142,5	

95	19	798	Phường Vinh Hưng	ODT	142,5	
96	19	799	Phường Vinh Hưng	ODT	142,5	
97	19	800	Phường Vinh Hưng	ODT	142,5	
98	19	801	Phường Vinh Hưng	ODT	138,0	
99	19	804	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
100	19	805	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
101	19	806	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
102	19	807	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
103	19	808	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
104	19	809	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
105	19	810	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
106	19	811	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
107	19	812	Phường Vinh Hưng	ODT	193,5	
108	19	813	Phường Vinh Hưng	ODT	184,5	
109	19	814	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
110	19	815	Phường Vinh Hưng	ODT	135,0	
111	19	816	Phường Vinh Hưng	ODT	135,0	
112	19	817	Phường Vinh Hưng	ODT	135,0	
113	19	818	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
114	19	819	Phường Vinh Hưng	ODT	139,8	
115	19	820	Phường Vinh Hưng	ODT	139,8	
116	19	821	Phường Vinh Hưng	ODT	139,8	
117	19	822	Phường Vinh Hưng	ODT	139,8	
118	19	823	Phường Vinh Hưng	ODT	174,0	
119	19	824	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
120	19	825	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
121	19	826	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
122	19	827	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
123	19	828	Phường Vinh Hưng	ODT	182,5	
124	19	829	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
125	19	830	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
126	19	831	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
127	19	832	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
128	19	834	Phường Vinh Hưng	ODT	137,0	
129	19	835	Phường Vinh Hưng	ODT	142,5	
130	19	836	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
131	19	837	Phường Vinh Hưng	ODT	165,0	
132	19	838	Phường Vinh Hưng	ODT	180,8	
133	27	653	Phường Vinh Hưng	ODT	139,3	
134	27	654	Phường Vinh Hưng	ODT	135,0	
135	27	655	Phường Vinh Hưng	ODT	135,0	
136	27	656	Phường Vinh Hưng	ODT	135,0	
137	27	657	Phường Vinh Hưng	ODT	135,0	
138	27	658	Phường Vinh Hưng	ODT	139,5	
139	27	659	Phường Vinh Hưng	ODT	150,8	
140	27	660	Phường Vinh Hưng	ODT	151,5	
141	27	661	Phường Vinh Hưng	ODT	149,5	
142	27	662	Phường Vinh Hưng	ODT	149,5	
143	27	663	Phường Vinh Hưng	ODT	217,2	
144	27	664	Phường Vinh Hưng	ODT	133,5	
145	27	665	Phường Vinh Hưng	ODT	140,9	
146	27	666	Phường Vinh Hưng	ODT	148,2	
147	27	667	Phường Vinh Hưng	ODT	204,6	

148	27	668	Phường Vinh Hưng	ODT	139,8	
149	27	669	Phường Vinh Hưng	ODT	139,8	
150	27	670	Phường Vinh Hưng	ODT	176,9	
151	27	671	Phường Vinh Hưng	ODT	141,4	
152	27	672	Phường Vinh Hưng	ODT	148,7	
153	27	673	Phường Vinh Hưng	ODT	156,1	
154	27	674	Phường Vinh Hưng	ODT	220,7	
155	27	675	Phường Vinh Hưng	ODT	156,5	
II	Khu nhà ở xã hội				6.766,7	
1	19	706	Phường Vinh Hưng	ODT	6.766,7	
III	Đất sử dụng vào mục đích công cộng				21.259,6	
1	19	705	Phường Vinh Hưng	DRA	415,6	
2	19	707	Phường Vinh Hưng	CCC	172,0	
3	19	731	Phường Vinh Hưng	CCC	176,3	
4	19	745	Phường Vinh Hưng	CCC	172,0	
5	19	762	Phường Vinh Hưng	CCC	172,0	
6	19	795	Phường Vinh Hưng	CCC	179,7	
7	19	802	Phường Vinh Hưng	DKV	3.130,0	
8	19	803	Phường Vinh Hưng	CCC	172,0	
9	19	833	Phường Vinh Hưng	CCC	172,0	
10	19	839	Phường Vinh Hưng	DGT	12.907,5	
11	27	676	Phường Vinh Hưng	DGT	3.590,5	
B	Khu đô thị Bắc Nghi Kim				114.701,8	
I	Khu nhà ở thấp tầng				49.713,6	
1	12	555	Phường Vinh Hưng	ODT	254,2	
2	12	556	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
3	12	557	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
4	12	558	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
5	12	559	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
6	12	561	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
7	12	562	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
8	12	563	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
9	12	564	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
10	12	565	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
11	12	566	Phường Vinh Hưng	ODT	235,5	
12	12	567	Phường Vinh Hưng	ODT	205,5	
13	12	568	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
14	12	569	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
15	12	570	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
16	12	571	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
17	12	572	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
18	12	573	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
19	12	574	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
20	12	575	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
21	12	576	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
22	12	577	Phường Vinh Hưng	ODT	249,8	

23	12	578	Phường Vinh Hưng	ODT	235,5	
24	12	579	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
25	12	580	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
26	12	581	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
27	12	582	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
28	12	584	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
29	12	585	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
30	12	586	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
31	12	587	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
32	12	588	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
33	12	589	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
34	12	590	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
35	12	592	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
36	12	593	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
37	12	594	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
38	12	595	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
39	12	596	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
40	12	597	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
41	12	598	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
42	12	599	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
43	12	600	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
44	12	601	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
45	12	602	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
46	12	603	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
47	12	604	Phường Vinh Hưng	ODT	205,5	
48	12	605	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
49	12	606	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
50	12	608	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
51	12	609	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
52	12	610	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
53	12	611	Phường Vinh Hưng	ODT	144,3	
54	12	612	Phường Vinh Hưng	ODT	145,2	
55	12	613	Phường Vinh Hưng	ODT	164,2	
56	12	614	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
57	12	615	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
58	12	616	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
59	12	617	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
60	12	618	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
61	12	619	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
62	12	620	Phường Vinh Hưng	ODT	156,8	
63	12	621	Phường Vinh Hưng	ODT	139,8	
64	12	622	Phường Vinh Hưng	ODT	139,8	
65	12	623	Phường Vinh Hưng	ODT	139,8	
66	12	624	Phường Vinh Hưng	ODT	139,8	
67	12	625	Phường Vinh Hưng	ODT	156,8	
68	12	627	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
69	12	628	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
70	12	629	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
71	12	630	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
72	12	631	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
73	12	632	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
74	12	633	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
75	12	634	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	

76	12	635	Phường Vinh Hưng	ODT	215,9	
77	12	636	Phường Vinh Hưng	ODT	205,0	
78	12	637	Phường Vinh Hưng	ODT	205,0	
79	12	638	Phường Vinh Hưng	ODT	135,1	
80	12	639	Phường Vinh Hưng	ODT	130,6	
81	12	640	Phường Vinh Hưng	ODT	131,5	
82	12	641	Phường Vinh Hưng	ODT	132,5	
83	12	642	Phường Vinh Hưng	ODT	133,4	
84	12	643	Phường Vinh Hưng	ODT	134,3	
85	12	644	Phường Vinh Hưng	ODT	135,3	
86	12	645	Phường Vinh Hưng	ODT	136,2	
87	12	646	Phường Vinh Hưng	ODT	137,1	
88	12	647	Phường Vinh Hưng	ODT	139,0	
89	12	648	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
90	12	649	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
91	12	650	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
92	12	651	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
93	12	652	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
94	12	653	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
95	12	654	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
96	12	655	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
97	12	657	Phường Vinh Hưng	ODT	138,6	
98	12	658	Phường Vinh Hưng	ODT	139,6	
99	12	659	Phường Vinh Hưng	ODT	140,5	
100	12	660	Phường Vinh Hưng	ODT	141,4	
101	12	661	Phường Vinh Hưng	ODT	142,4	
102	12	662	Phường Vinh Hưng	ODT	143,3	
103	12	663	Phường Vinh Hưng	ODT	144,2	
104	12	664	Phường Vinh Hưng	ODT	145,2	
105	12	665	Phường Vinh Hưng	ODT	141,6	
106	12	666	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
107	12	667	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
108	12	668	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
109	12	669	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
110	12	670	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
111	12	671	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
112	12	672	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
113	12	673	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
114	12	674	Phường Vinh Hưng	ODT	128,8	
115	12	675	Phường Vinh Hưng	ODT	139,0	
116	12	676	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
117	12	677	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
118	12	678	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
119	12	679	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
120	12	680	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
121	12	681	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
122	12	682	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
123	12	683	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
124	12	685	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
125	12	686	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
126	12	687	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
127	12	688	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
128	12	689	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	

129	12	690	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
130	12	691	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
131	12	692	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
132	12	693	Phường Vinh Hưng	ODT	128,8	
133	12	694	Phường Vinh Hưng	ODT	215,9	
134	12	695	Phường Vinh Hưng	ODT	205,0	
135	12	696	Phường Vinh Hưng	ODT	205,0	
136	12	697	Phường Vinh Hưng	ODT	205,0	
137	12	698	Phường Vinh Hưng	ODT	205,0	
138	12	699	Phường Vinh Hưng	ODT	205,0	
139	12	700	Phường Vinh Hưng	ODT	205,0	
140	12	701	Phường Vinh Hưng	ODT	205,0	
141	12	702	Phường Vinh Hưng	ODT	205,0	
142	12	703	Phường Vinh Hưng	ODT	205,0	
143	12	704	Phường Vinh Hưng	ODT	205,0	
144	12	705	Phường Vinh Hưng	ODT	215,9	
145	12	707	Phường Vinh Hưng	ODT	169,8	
146	12	708	Phường Vinh Hưng	ODT	169,8	
147	12	709	Phường Vinh Hưng	ODT	177,7	
148	12	710	Phường Vinh Hưng	ODT	140,4	
149	12	711	Phường Vinh Hưng	ODT	141,3	
150	12	712	Phường Vinh Hưng	ODT	142,2	
151	12	713	Phường Vinh Hưng	ODT	143,2	
152	12	714	Phường Vinh Hưng	ODT	144,1	
153	12	715	Phường Vinh Hưng	ODT	145,0	
154	12	717	Phường Vinh Hưng	ODT	182,5	
155	12	718	Phường Vinh Hưng	ODT	143,0	
156	12	719	Phường Vinh Hưng	ODT	143,0	
157	12	720	Phường Vinh Hưng	ODT	143,0	
158	12	721	Phường Vinh Hưng	ODT	143,0	
159	12	722	Phường Vinh Hưng	ODT	143,0	
160	12	723	Phường Vinh Hưng	ODT	143,0	
161	12	724	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
162	12	725	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
163	12	726	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
164	12	727	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
165	12	728	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
166	12	730	Phường Vinh Hưng	ODT	146,5	
167	12	731	Phường Vinh Hưng	ODT	147,5	
168	12	732	Phường Vinh Hưng	ODT	148,4	
169	12	733	Phường Vinh Hưng	ODT	149,3	
170	12	734	Phường Vinh Hưng	ODT	150,3	
171	12	735	Phường Vinh Hưng	ODT	151,2	
172	12	736	Phường Vinh Hưng	ODT	152,1	
173	12	737	Phường Vinh Hưng	ODT	246,9	
174	12	738	Phường Vinh Hưng	ODT	143,0	
175	12	739	Phường Vinh Hưng	ODT	143,0	
176	12	740	Phường Vinh Hưng	ODT	143,0	
177	12	741	Phường Vinh Hưng	ODT	143,0	
178	12	742	Phường Vinh Hưng	ODT	143,0	
179	12	743	Phường Vinh Hưng	ODT	143,0	
180	12	744	Phường Vinh Hưng	ODT	143,0	
181	12	745	Phường Vinh Hưng	ODT	216,2	

182	12	746	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
183	12	747	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
184	12	748	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
185	12	749	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
186	12	750	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
187	12	751	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
188	12	752	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
189	12	753	Phường Vinh Hưng	ODT	181,3	
190	12	754	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
191	12	755	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
192	12	756	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
193	12	757	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
194	12	758	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
195	12	759	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
196	12	760	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
197	12	761	Phường Vinh Hưng	ODT	169,8	
198	12	762	Phường Vinh Hưng	ODT	141,9	
199	12	763	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
200	12	764	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
201	12	765	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
202	12	766	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
203	12	767	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
204	12	768	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
205	12	770	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
206	12	771	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
207	12	772	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
208	12	773	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
209	12	774	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
210	13	403	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
211	13	404	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
212	13	405	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
213	13	406	Phường Vinh Hưng	ODT	223,5	
214	13	408	Phường Vinh Hưng	ODT	175,5	
215	13	409	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
216	13	410	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
217	13	411	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
218	13	412	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
219	13	413	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
220	13	414	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
221	13	416	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
222	13	417	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
223	13	418	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
224	13	419	Phường Vinh Hưng	ODT	180,0	
225	13	420	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
226	13	421	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
227	13	422	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
228	13	423	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
229	13	424	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
230	13	425	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
231	13	426	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
232	13	427	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
233	13	428	Phường Vinh Hưng	ODT	157,5	
234	13	430	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	

235	13	431	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
236	13	433	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
237	13	434	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
238	13	435	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
239	13	436	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
240	13	437	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
241	13	438	Phường Vinh Hưng	ODT	142,8	
242	13	439	Phường Vinh Hưng	ODT	194,1	
243	13	440	Phường Vinh Hưng	ODT	193,3	
244	13	441	Phường Vinh Hưng	ODT	192,5	
245	13	442	Phường Vinh Hưng	ODT	191,6	
246	13	444	Phường Vinh Hưng	ODT	189,7	
247	13	445	Phường Vinh Hưng	ODT	188,9	
248	13	446	Phường Vinh Hưng	ODT	188,1	
249	13	447	Phường Vinh Hưng	ODT	187,3	
250	13	448	Phường Vinh Hưng	ODT	186,5	
251	13	450	Phường Vinh Hưng	ODT	184,6	
252	13	451	Phường Vinh Hưng	ODT	183,7	
253	13	452	Phường Vinh Hưng	ODT	182,9	
254	13	453	Phường Vinh Hưng	ODT	205,0	
255	13	454	Phường Vinh Hưng	ODT	205,0	
256	13	455	Phường Vinh Hưng	ODT	139,0	
257	13	456	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
258	13	457	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
259	13	458	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
260	13	459	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
261	13	460	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
262	13	461	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
263	13	462	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
264	13	463	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
265	13	468	Phường Vinh Hưng	ODT	119,0	
266	13	469	Phường Vinh Hưng	ODT	152,3	
267	13	470	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
268	13	471	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
269	13	472	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
270	13	473	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
271	13	474	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
272	13	475	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
273	13	477	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
274	13	478	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
275	13	479	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
276	13	480	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
277	13	481	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
278	13	482	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
279	13	483	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
280	13	485	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
281	13	486	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
282	13	487	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
283	13	488	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
284	13	489	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
285	13	490	Phường Vinh Hưng	ODT	123,5	
286	13	491	Phường Vinh Hưng	ODT	151,5	
287	13	492	Phường Vinh Hưng	ODT	158,2	

288	13	493	Phường Vinh Hưng	ODT	131,9	
289	13	494	Phường Vinh Hưng	ODT	122,0	
290	13	495	Phường Vinh Hưng	ODT	121,0	
291	13	496	Phường Vinh Hưng	ODT	119,9	
292	13	498	Phường Vinh Hưng	ODT	118,4	
293	13	499	Phường Vinh Hưng	ODT	117,3	
294	13	500	Phường Vinh Hưng	ODT	116,3	
295	13	501	Phường Vinh Hưng	ODT	115,3	
296	13	502	Phường Vinh Hưng	ODT	114,2	
297	13	503	Phường Vinh Hưng	ODT	113,2	
298	13	504	Phường Vinh Hưng	ODT	128,0	
299	13	505	Phường Vinh Hưng	ODT	166,3	
300	13	506	Phường Vinh Hưng	ODT	131,6	
301	13	507	Phường Vinh Hưng	ODT	130,6	
302	13	508	Phường Vinh Hưng	ODT	129,6	
303	13	509	Phường Vinh Hưng	ODT	128,5	
304	13	510	Phường Vinh Hưng	ODT	127,5	
305	13	511	Phường Vinh Hưng	ODT	126,5	
306	13	513	Phường Vinh Hưng	ODT	124,9	
307	13	514	Phường Vinh Hưng	ODT	123,9	
308	13	515	Phường Vinh Hưng	ODT	122,9	
309	13	516	Phường Vinh Hưng	ODT	121,9	
310	13	517	Phường Vinh Hưng	ODT	120,8	
311	13	518	Phường Vinh Hưng	ODT	119,8	
312	13	520	Phường Vinh Hưng	ODT	118,3	
313	13	521	Phường Vinh Hưng	ODT	117,2	
314	13	522	Phường Vinh Hưng	ODT	116,2	
315	13	523	Phường Vinh Hưng	ODT	115,2	
316	13	524	Phường Vinh Hưng	ODT	114,1	
317	13	525	Phường Vinh Hưng	ODT	113,1	
318	13	526	Phường Vinh Hưng	ODT	149,8	
319	13	527	Phường Vinh Hưng	ODT	205,0	
320	13	528	Phường Vinh Hưng	ODT	205,0	
321	13	529	Phường Vinh Hưng	ODT	205,0	
322	13	530	Phường Vinh Hưng	ODT	205,0	
323	13	531	Phường Vinh Hưng	ODT	215,9	
324	13	532	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
325	13	533	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
326	13	534	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
327	13	535	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
328	13	536	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
329	13	537	Phường Vinh Hưng	ODT	133,3	
330	13	538	Phường Vinh Hưng	ODT	128,8	
II	Khu nhà ở xã hội				14.464,2	
1	13	467	Phường Vinh Hưng	ODT	14.464,2	
III	Trường mầm non				2.915,5	
1	13	466	Phường Vinh Hưng	DGD	2.915,5	
IV	Khu thương mại, dịch vụ				2.319,8	
1	12	626	Phường Vinh Hưng	TMD	2.319,8	

V.	Khu đất công cộng				45.288,7	
1	12	560	Phường Vinh Hưng	CCC	180,0	
2	12	583	Phường Vinh Hưng	CCC	180,0	
3	12	591	Phường Vinh Hưng	CCC	180,0	
4	12	607	Phường Vinh Hưng	DKV	492,0	
5	12	656	Phường Vinh Hưng	CCC	166,8	
6	12	684	Phường Vinh Hưng	CCC	82,0	
7	12	706	Phường Vinh Hưng	DKV	4.288,8	
8	12	716	Phường Vinh Hưng	CCC	177,7	
9	12	729	Phường Vinh Hưng	CCC	164,0	
10	12	769	Phường Vinh Hưng	DKV	304,0	
11	12	775	Phường Vinh Hưng	DGT	19.696,5	
12	13	407	Phường Vinh Hưng	DGT	368,6	
13	13	415	Phường Vinh Hưng	CCC	180,0	
14	13	429	Phường Vinh Hưng	DGT	2.338,1	
15	13	432	Phường Vinh Hưng	DKV	492,0	
16	13	443	Phường Vinh Hưng	DKV	254,2	
17	13	449	Phường Vinh Hưng	DKV	247,3	
18	13	464	Phường Vinh Hưng	DVH	941,0	
19	13	465	Phường Vinh Hưng	DRA	886,7	
20	13	476	Phường Vinh Hưng	CCC	76,0	
21	13	484	Phường Vinh Hưng	CCC	76,0	
22	13	497	Phường Vinh Hưng	CCC	63,6	
23	13	512	Phường Vinh Hưng	CCC	67,0	
24	13	519	Phường Vinh Hưng	CCC	63,5	
25	13	539	Phường Vinh Hưng	DGT	13.322,9	